



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0326/2503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN TÂN BÌNH
- Địa chỉ : Lô III, cụm III, đường CN1, nhóm CN III, KCN Tân Bình,
phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Lê Lý Sĩ Liêm
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, nhà máy hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 05/03/2025
- Thời gian phân tích : 05/03/2025 – 12/03/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 1/4



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0326/2503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

(Mã số mẫu: 250305001_NT01-02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B $C_{max}=C_xK_q \times K_f$	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01	NT02		
1	Nhiệt độ	°C	30,5	31,7	40	SMEWW 2550B:2023
2	Độ màu*	Pt-Co	< 30	KPH (MDL=10)	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
3	pH	-	5,98	7,50	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
4	TSS*	mg/L	12	9	90	TCVN 6625:2000
5	COD	mg/L	143	92	135	SMEWW 5220C:2023
6	BOD ₅ *	mg/L	56	38	45	TCVN 6001-1:2021
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	3,95	0,85	9	TCVN 5988:1995 SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2023
8	Tổng Nito*	mg/L	15,8	12,1	36	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	3,24	2,57	5,4	SMEWW 4500- P.B&D:2023
10	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	299	365	900	TCVN 6194:1996
11	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (MDL=0,25)	KPH (MDL=0,25)	1,8	TCVN 6225 – 3 : 2011
12	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	0,32	KPH (MDL=0,03)	0,45	SMEWW 4500-S ²⁻ . B&D:2023
13	Florua (F ⁻)*	mg/L	0,46	KPH (MDL=0,07)	9	SMEWW 4500-F ⁻ . B&D:2023
14	Sắt (Fe)	mg/L	4,29	< 0,27	4,5	SMEWW 3500-Fe.B:2023
15	Đồng (Cu)*	mg/L	0,404	KPH (MDL=0,076)	1,8	SMEWW 3111 B:2023
16	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,510	KPH (MDL=0,036)	2,7	SMEWW 3111B:2023
17	Mangan (Mn)	mg/L	< 0,252	KPH (MDL=0,084)	0,9	SMEWW 3111B:2023

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **2/4**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0326/2503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B $C_{max}=C \times K_q \times K_f$	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01	NT02		
18	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	KPH (MDL=0,0024)	0,09	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,009	TCVN 7877:2008
20	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	KPH (MDL=0,0026)	0,45	SMEWW 3113B:2023
21	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	KPH (MDL=0,0027)	0,09	SMEWW 3113B:2023
22	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	0,09	SMEWW 3500-Cr:2023
23	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	0,9	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
24	Tổng Xianua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	0,09	SMEWW 4500 CN^- .C&E:2023
25	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,45	TCVN 6216:1996
26	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	KPH (MDL=0,0027)	0,45	SMEWW 3113B:2023
27	Dầu mỡ khoáng	mg/L	3,6	KPH (MDL=0,5)	9	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phóng xạ $\alpha^{\#}$	Bq/L	< 0,09	< 0,09	0,1	SMEWW 7110B: 2023
29	Tổng phóng xạ $\beta^{\#}$	Bq/L	1,0	1,0	1	SMEWW 7110B: 2023
30	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	63×10^2	17×10^2	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 - Vimcerts 078)
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
 K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; $K_q = 0,9$ ứng với $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$
 K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải: $K_f = 1$ ứng với $500 < F \leq 5.000 \text{ m}^3/24\text{h}$

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **3/4**

256
G T
H A I
A T
U O I
H I E
H O



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0326/2503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện
- LOD: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN (Kinh độ: 106°36'56.7'', Vĩ độ: 10°49'5.4'') – Nước có mùi, ít cặn.
- NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung của KCN (Kinh độ: 106°36'57.5'', Vĩ độ: 10°49'7.0'') – Nước ít cặn.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **4/4**

KT3-01094AMT5/1
(MT.2025.01003/1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/03/2025
Trang 01 / 02

- Tên mẫu : **250305001 - NT01**
Thời gian lấy mẫu: 05/03/2025
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Dạng mẫu: lỏng;
- Số đơn vị/mẫu: 2 L;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 06/03/2025
- Thời gian thử nghiệm : 06/03/2025 – 12/03/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**
4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thanh Trung



KT3-01094AMT5/1
 (MT.2025.01003/1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



12/03/2025
 Trang 02 / 02

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	< 0,09 (**)	0,03
7.2	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	-

Ghi chú:

⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078.

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .



KT3-01094AMT5/2
(MT.2025.01003/2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/03/2025
Trang 01 / 02

- Tên mẫu : **250305001 - NT02**
Thời gian lấy mẫu: 05/03/2025
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Dạng mẫu: lỏng;
- Số đơn vị/mẫu: 2 L;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 06/03/2025
- Thời gian thử nghiệm : 06/03/2025 – 12/03/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**
4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM




Phan Thanh Trung



KT3-01094AMT5/2
(MT.2025.01003/2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



03/2025
Trang 02 / 02

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	< 0,09 (**)	0,03
7.2	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	-

Ghi chú:

⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078.

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

